TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50 /2022/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2022/ TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* Theo Quyết định mở phiên họp số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Chị Vi Thị H; HKTT: Thôn Quyết T, xã A (nay là xã B) huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Chổ ở hiện nay: Thôn Quyết T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- Anh Nguyễn Duy L; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Quyết T, xã A (nay là xã B), huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. (Hiện đang lao động tự do tại Đài Loan - Vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Vi Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã An (Nay là xã B), huyện L, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian, nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên anh L phải đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình anh L đi lao động tại Đài Loan vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2014, chị H chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn Quyết T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để buôn bán và làm ăn. Tính đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau 7 năm, không có điều kiện về thời gian để chăm sóc, hàn gắn những mâu thuẫn trước đó nên tình cảm dần phai nhạt. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chia sẽ gì với nhau nữa. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2009, hiện cháu đang sống cùng ông bà nội ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N tại Thôn Quyết T, xã Bình An, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao con chung cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh L đang lao động tại Đài Loan tạm giao cháu cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Duy L, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và được người thân của anh nhận thay. Quá trình xác minh người thân của anh L cung cấp thông tin hiện nay anh đang lao động tại Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho tòa án. Anh L cũng đã biết được việc chị Vi Thị H làm đơn xin ly hôn và cũng hoàn toàn nhất trí như yêu cầu ly hôn của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 26/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao: Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L; về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L giao con chung cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2009 cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh L đang ở nước ngoài tạm thời giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N cho ông bà nội là ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận nên miễn xét; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 6206/QLXNC-P5 ngày 24/3/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện: Anh Nguyễn Duy L, sinh ngày 02/9/1983, CMTND số 183458374 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 15/3/2017, Hộ khẩu thường trú: Xã A (Nay là xã B), huyện L, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất nhập cảnh 11 lần, xuất cảnh gần đây nhất vào ngày 14/5/2017 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ quy định tại các Điều 29, 37, 39, 464, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Để đảm bảo giải quyết vụ việc đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh Nguyễn Duy L thông qua ông Nguyễn Duy

Th, bà Trần Thị N (bố mẹ đẻ anh L) và được ông bà cung cấp thông tin hiện nay anh Nguyễn Duy L đang lao động tại Đài Loan, anh thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng địa chỉ cụ thể của anh L tại Đài Loan gia đình không rõ. Tòa án đã kết nối điện thoại qua cuộc gọi hình ảnh trên ứng dụng messenger với sự chứng kiến của gia đình và đại diện chính quyền địa phương xác nhận anh Nguyễn Duy L là chồng chị Vi Thị H. Trao đổi qua điện thoại, anh L trình bày thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như chị H đã trình bày. Vợ chồng sống cách xa nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau, hiện tại, anh cũng nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, nên chị H làm đơn ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2009. Khi ly hôn anh nhất trí như đề nghị của chị Vi Thị H, anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Tuyết N, trong thời gian anh đang lao động tại Đài Loan tạm giao cháu cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh L trình bày thêm hiện tại anh đang lao động tự do tại Đài Loan do điều kiện công việc cũng như dịch bệnh phức tạp nên anh không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt, anh đồng ý việc Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân ở Việt Nam là bố mẹ đẻ ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N; địa chỉ: tại Thôn Quyết T, xã B, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Xét thấy, chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Tòa án căn cứ quy định tại Điều 29, 361 Bộ luật tố tụng dân sự chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án "Ly hôn" thành "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" và căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho anh L thông qua người thân là mẹ đẻ bố mẹ đẻ ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N.

[1.3] Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.4] Chị Vi Thị H có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ các Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 15/TB – TA ngày 06/5/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình theo đúng quy định pháp luật.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài L chứng cứ và tiến hành xác minh tài L chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A (Nay là xã B) huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì vợ chồng sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị H và anh L đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị H và anh L không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.1] Về quan hệ con chung: Chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2009, anh chị đều thống nhất sau ly hôn giao con chung cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, trong thời gian anh L đang lao động tại Đài Loan tạm thời giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N cho ông bà nội là ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N cũng tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuyết N trong thời gian anh L đang lao động tại Đài Loan. Cháu Tuyết N cũng trình bày nguyện vọng ở với bố và ông bà nội khi bố đang lao động tại Đài Loan. Do đó, cần căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của vợ chồng về việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng các con chung như các đương sự đã trình bày. Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn, nuôi con của chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L.

[3] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 149, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị Vi Thị H và anh Nguyễn Duy L: Giao con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 22/12/2009 cho anh Nguyễn Duy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), trong thời gian anh L đang lao động tại Đài Loan tạm thời giao cháu Tuyết Nhung cho ông bà nội là ông Nguyễn Duy Th, bà Trần Thị N chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Chị Vi Thị H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, 6, 9, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Vi Thị H (đã nộp tại biên lai số 0000171 ngày 25/4/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương Huyền